

HOSE 30/06/2014

VNINDEX	578.13	-0.69	-0.12%
KLGD	76,496,630	CP	
GTGD	1,319.43	Tỷ	
GTR NDTNN	0.00	Tỷ	

CP Tăng giá	100	CP
CP Giảm giá	103	CP
CP Đứng giá	101	CP



Tâm điểm

- ▶ **Đà tăng lan rộng, hai sàn đóng cửa trái chiều**
- ▶ **Thanh khoản gia tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức khá thấp**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,800 tỷ đồng
- ▶ **Vốn đầu tư 6 tháng đạt hơn 500,000 tỷ đồng**
Con số này tăng 8.2% so với cùng kỳ năm trước và bằng 30.1% GDP Thanh Niên
- ▶ **S&P duy trì xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam ở mức BB-/B**
S&P dự đoán tăng trưởng của Việt Nam giai đoạn 2014 - 2017 là 5% DVO/S&P
- ▶ **Quy mô kinh tế Trung Quốc có thể nhỏ hơn nhiều so với công bố**
Theo báo cáo đánh giá của Tổ chức nghiên cứu kinh doanh World Affairs TTXVN
- ▶ **PPC: 5 tháng đầu năm lỗ chênh lệch tỷ giá 201 tỷ đồng**
Được biết, doanh thu tài chính thực hiện 5 tháng của PPC đạt 161 tỷ đồng Trí Thức Trẻ
- ▶ **IDV: Quý 3/2014, ước đạt 8 tỷ đồng lợi nhuận**
Tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước Đầu tư Chứng khoán

HNX 30/6/2014

HNXINDEX	77.93	0.35	0.45%
KLGD	44,706,628	CP	
GTGD	524.42	Tỷ	
GTR NDTNN	0.00	Tỷ	

CP Tăng giá	103	CP
CP Giảm giá	72	CP
CP Đứng giá	204	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	615.06	-1.79	-0.29%
HNX30	157.47	1.25	0.80%

Thị trường / Ngành

Theo thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,022,969	13.9	3.1	20.8%	11.1%
HNX	125,273	17.5	1.5	7.5%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,148,242	15.8	3.0	19.6%	10.4%

Theo ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,990	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,351	6.9	1.4	20.8%	15.2%
Thép và sản phẩm thép	37,066	20.1	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng	11,972	52.2	5.0	2.0%	1.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,348	17.0	1.4	11.8%	8.4%
Xây dựng	28,460	40.0	1.1	-4.1%	1.6%
Máy công nghiệp	8,041	6.2	1.3	21.2%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,071	13.9	1.3	14.2%	10.8%
Lốp xe	7,239	8.8	2.4	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,798	9.7	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	196,710	22.5	4.6	21.5%	16.6%
Dược phẩm	15,219	11.9	3.1	25.4%	16.8%
Phần mềm	16,398	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,729	5.5	1.2	-6.5%	3.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	218,476	18.3	5.9	33.0%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,103	22.8	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	25,059	13.6	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng	246,984	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản	130,720	11.1	2.3	27.3%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,595	9.8	1.9	20.5%	8.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Vốn đầu tư 6 tháng đạt hơn 500,000 tỷ đồng

S&P duy trì xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam ở mức BB-/B

Quy mô kinh tế Trung Quốc có thể nhỏ hơn nhiều so với công bố

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

PPC: 5 tháng đầu năm lỗ chênh lệch tỷ giá 201 tỷ đồng

IDV: Quý 3/2014, ước đạt 8 tỷ đồng lợi nhuận

FLC: Dự kiến triển khai dự án BT 7,000 tỷ đồng tại Khánh Hòa

► Tin kinh tế

Tổng cục Thống kê thông báo 6 tháng đầu năm nay, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đạt 502,500 tỉ đồng, tăng 8.2% so với cùng kỳ năm trước và bằng 30.1% GDP. Trong đó vốn khu vực nhà nước đạt 198,200 tỉ đồng, tăng 9.5% so với cùng kỳ năm trước; vốn thuộc khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 126,300 tỉ đồng, tăng 6.5% và vốn còn lại thuộc khu vực tư nhân. Tính từ đầu năm đến hết ngày 20/6, cả nước có 656 dự án FDI mới được cấp phép và tính tổng cộng vốn đăng ký mới và cấp bổ sung đạt 6.85 tỉ USD, giảm 35.3% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Standard & Poor's (S&P) vừa cập nhật đánh giá tín nhiệm đối với Việt Nam. Theo đó, S&P giữ nguyên xếp hạng dài hạn của Việt Nam ở BB-, và ngắn hạn ở mức B với triển vọng dài hạn là ổn định. Theo S&P, các yếu tố bên ngoài ổn định, nợ nước ngoài thấp và dự trữ ngoại hối tăng cũng hỗ trợ tín nhiệm quốc gia. Tuy nhiên, xếp hạng này cũng phản ánh Việt Nam vẫn là nước có thu nhập thấp, hệ thống tiền tệ và thị trường vốn chưa hoàn thiện và đi kèm với các rủi ro do chính sách chưa theo kịp sự chuyển dịch kinh tế. Theo tổ chức này, Tốc độ tăng trưởng GDP chậm hiện tại phản ánh chính sách nghiêng về bình ổn kinh tế, nhằm có thời gian cải tổ ngân hàng và các công ty nhà nước kém hiệu quả. S&P dự đoán tăng trưởng của Việt Nam giai đoạn 2014 - 2017 là 5%.

Mạng tin World Affairs, Tổ chức nghiên cứu kinh doanh vừa công bố một báo cáo về kinh tế Trung Quốc sau khi tính toán lại Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước này ngược trở về năm 1952. Báo cáo này đã trích dẫn công trình nghiên cứu của nhà kinh tế học Harry Wu, trong đó ước tính rằng trong giai đoạn 1978-2012, GDP của Trung Quốc chỉ tăng trung bình 7.2%/năm, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 9.8%/năm mà Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc công bố trong thời kỳ đó. Quy mô của kinh tế Trung Quốc có thể chỉ bằng 2/3 so với những gì mà Bắc Kinh tuyên bố. Các số liệu của Trung Quốc ngày càng trở nên kém tin cậy.

► Tin doanh nghiệp

Tại ĐHCĐ thường niên 2014, đại diện CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HOSE: PPC) đã báo cáo kết quả thực hiện 5 tháng đầu năm và dự kiến năm 2014. Theo đó, doanh thu tài chính thực hiện 5 tháng của PPC đạt 161 tỷ đồng, trong đó cổ tức lợi nhuận được chia chưa có, doanh thu tài chính đầu tư dài hạn khác đạt 19.72 tỷ đồng, doanh thu đầu tư tài chính ngắn hạn 141.23 tỷ đồng. PPC dự kiến năm 2014 doanh thu tài chính đạt 425 tỷ đồng, trong đó cổ tức lợi nhuận được chia 87 tỷ đồng, doanh thu tài chính đầu tư dài hạn khác 47 tỷ đồng, doanh thu đầu tư tài chính ngắn hạn 291 tỷ đồng. Năm 2014 công ty vẫn chịu rủi ro lớn về tỷ giá. Tính đến cuối tháng 5/2014, tỷ giá đồng Yên Nhật tăng hơn 7 VND/JPY so với đầu năm 2014 nên lỗ chênh lệch tỷ giá 5 tháng đầu năm là 201 tỷ đồng.

Theo CTCP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (HNX: IDV), quý 3 năm tài chính 2014, IDV ước đạt lợi nhuận sau thuế 8 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, lũy kế EPS sau 3 quý năm nay đạt trên 5,800 đồng. Hoạt động kinh doanh của IDV đang diễn ra khá thuận lợi trong thời gian gần đây. Tại Khu công nghiệp Châu Sơn (Hà Nam), IDV vừa ký hợp đồng cho hai doanh nghiệp đến từ Hàn Quốc thuê mặt bằng sản xuất trên 2.5 héc-ta. IDV cũng vừa ký thỏa thuận cho một doanh nghiệp Hàn Quốc thuê trên 0.5 héc-ta tại Khu công nghiệp Khai Quang (Vĩnh Phúc). Diễn biến mới này sẽ góp phần gia tăng doanh thu, cũng như lợi nhuận cho IDV trong năm nay.

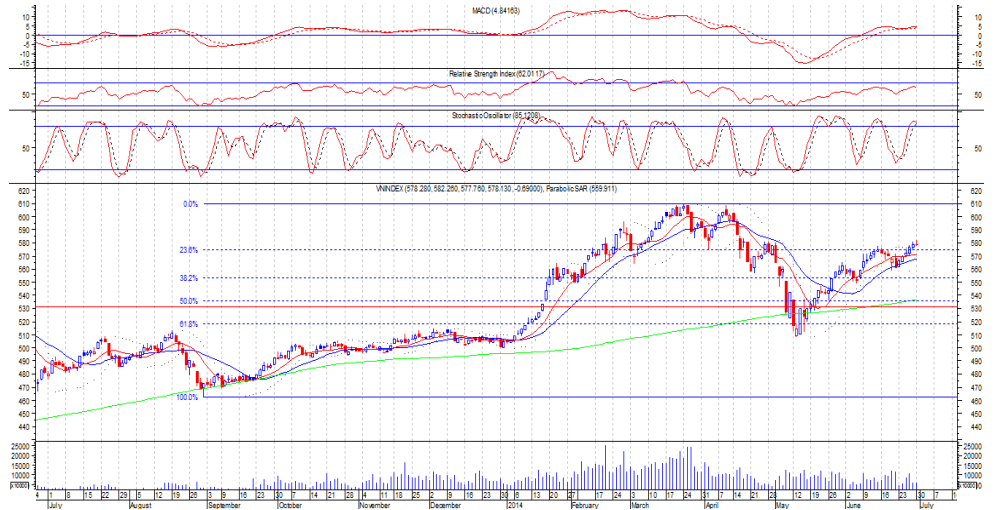
Theo thông tin từ CTCP Tập đoàn FLC (HOSE: FLC), FLC đã được tỉnh Khánh Hòa đồng ý tiếp cận, nghiên cứu, tham gia đầu tư thực hiện dự án xây dựng Khu trung tâm hành chính mới Tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BT (xây dựng, chuyển giao). Đại diện FLC chi biết, quy mô dự án này ước khoảng 7,000 tỷ đồng. Đây có thể sẽ là dự án BT lớn nhất tại Khánh Hòa nếu so với năm 2013, dự án BT lớn nhất chỉ có quy mô 3,000 tỷ đồng.

HOSE 30/06/2014 VNINDEX 578.13 -0.69 -0.12% 76,496,630 CP 1,319.43 bil VND

Đà tăng lan rộng, 2 sàn đóng cửa trái chiều

VN-Index giảm 0.69 điểm (-0.12%), đóng cửa tại mức 578.13 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, VN-Index điều chỉnh nhẹ sau 5 phiên tăng điểm liên tục.

- MACD tiếp tục gia tăng mạnh, cho thấy tín hiệu tăng điểm VN-Index vẫn được củng cố.
- Stochastic Oscillator dừng đà tăng và nhiều khả năng sẽ cho tín hiệu bán trở lại.
- MA10, MA20 gia tăng và trở thành ngưỡng hỗ trợ khá tốt cho chỉ số nếu VN-Index điều chỉnh
- RSI (14) đi ngang và duy trì ở mức 62.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.8%)	6,414,750
HQC	0.3 (3.8%)	5,367,250
SSI	0 (0.0%)	2,704,110
PET	0.6 (3.5%)	2,200,260
ITA	-0.1 (-1.2%)	2,184,060

HOSE Top 5 theo % tăng

HT1	0.9 (7.0%)	1,354,170
BMC	2.2 (7.0%)	64,560
SRC	1.4 (6.9%)	235,890
CLW	1.1 (6.9%)	10
NAV	0.4 (6.8%)	10

HOSE Top 5 theo % giảm

L10	-0.9 (-7.0%)	5,410
LGC	-1.7 (-6.8%)	10
MCP	-1.3 (-6.7%)	4,500
GTA	-0.7 (-6.2%)	15,430
HVX	-0.3 (-6.0%)	20

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GMD	24,4 tỷ	745,693
HPG	16,7 tỷ	309,100
DRC	9,3 tỷ	185,550
HT1	5,7 tỷ	418,800
PET	5,3 tỷ	300,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VSH	-10,5 tỷ	667,930
HAG	-5,4 tỷ	221,750
PVD	-3,9 tỷ	46,510
VIC	-2,9 tỷ	44,770
STB	-2,3 tỷ	109,820

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	4,587,363	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index duy trì đà tăng gần như cả phiên hôm nay, trước khi giảm điểm lúc đóng cửa. Đà tăng lan rộng, dòng tiền tập trung nhiều vào nhóm cổ phiếu đầu cơ.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 63 triệu đơn vị. Đây vẫn là mức khá thấp, việc thanh khoản sụt giảm cho thấy sự đồng thuận của thị trường vẫn còn khá thấp.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 53 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ VN-Index hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Việc thanh khoản chưa có sự động thuận với sự gia tăng của chỉ số là một điều khiến chúng tôi hơi lo ngại.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc chốt lời, việc mua mới và mua thêm chỉ nên thực hiện khi thanh khoản tiếp tục gia tăng. NĐT vẫn nên hạn chế dùng margin giai đoạn này.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	112.0	212,240.00	18.9	6.0	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	15.9	5.4	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	26.2	69,823.78	15.9	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	90.5	66,509.48	202.8	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	64.0	57,231.39	7.6	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.2	42,730.28	9.3	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	41.0	27,899.33	22.8	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	10.9	2.5	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.6	23,535.74	10.8	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

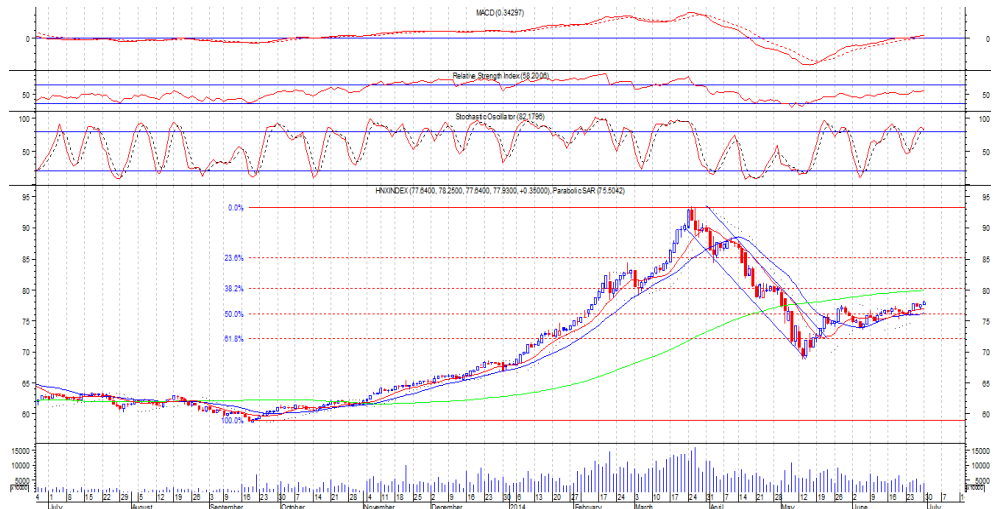
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.1	3,095.91	12.9	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.6	16,025.47	10.0	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.4	2,076.65	14.4	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	70.0	3,183.49	8.7	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.3	747.23	5.5	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.6	513.55	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 30/06/2014 HNX-Index 77.93 0.35 0.45% 44,706,628 CP 524.42 bil. VND

Đà tăng lan rộng, 2 sàn đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index tăng 0.35 điểm (+0.45%), đóng cửa tại mốc 77.93 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến ngắn, sự lưỡng lự vẫn đang thể hiện khá rõ ở chỉ số này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng và bắt đầu cắt lên đường zero - base.
- RSI (14) tăng tích cực lên mức 58.
- HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20. Kỳ vọng chỉ số này sẽ hướng tới vùng kháng cự 80 điểm.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.4 (4.3%)	5,975,530
PVX	-0.1 (-2.3%)	4,593,980
KLS	0.1 (0.8%)	3,245,840
KLF	0.1 (0.9%)	2,980,000
SCR	0 (0.0%)	2,689,680

HNX Top 5 theo % tăng

CAN	3 (10.0%)	800
CTN	0.5 (10.0%)	900
INN	2.4 (10.0%)	55,000
TKU	0.8 (10.0%)	1,600
TSB	0.7 (10.0%)	1,000

HNX Top 5 theo % giảm

VGP	-2.4 (-9.9%)	1,100
ECI	-2.1 (-9.9%)	200
SFN	-1.8 (-9.8%)	100
GMX	-1.3 (-9.7%)	6,200
VNN	-0.6 (-9.5%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	13,5 tỷ	463,900
VND	11,1 tỷ	677,500
SLS	0,3 tỷ	11,800
CTB	0,2 tỷ	6,600
PPS	0,2 tỷ	14,700

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-1,9 tỷ	106,700
PGS	-0,7 tỷ	22,300
SHB	-0,5 tỷ	49,000
LAS	-0,3 tỷ	10,000
HMH	-0,1 tỷ	7,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,433,700	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index duy trì đà tăng cả phiên giao dịch, đà tăng lan rộng, đặc biệt nhiều cổ phiếu đầu cơ sàn này tăng trần. Dòng tiền hướng nhiều sự chú ý ở dòng này.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và chỉ đạt 40 triệu đơn vị. Thanh khoản vẫn ở mức khá thấp, việc thanh khoản sụt giảm cho thấy sự thận trọng vẫn đang được duy trì.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 23 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ HNX-Index hướng tới vùng kháng cự 80 điểm. Việc thanh khoản chưa có sự động thuận với sự gia tăng của chỉ số là một điều khiến chúng tôi hơi lo ngại.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc chốt lời, việc mua mới và mua thêm chỉ nên thực hiện khi thanh khoản tiếp tục gia tăng. NĐT vẫn nên hạn chế dùng margin giai đoạn này.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	29.2	13,043.65	8.6	1.5	19.3%	6.2%
SHB	886.1	9.7	8,595.01	10.2	0.8	7.9%	0.7%
SQC	110.0	77.8	8,558.00	264.0	6.5	-2.4%	-2.0%
VCG	441.7	13.1	5,786.41	13.0	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	36.0	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.9	4,485.74	16.0	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	23.8%	16.0%
LAS	77.8	34.6	2,692.99	6.1	1.9	33.5%	17.5%
KLS	182.3	12.2	2,223.45	12.8	0.9	7.1%	6.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	31.1	1,181.80	7.5	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.0	356.40	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.7	1,618.84	10.8	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	17.8	890.00	10.6	1.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.0	291.37	5.9	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	15.35%	90.5	202.80	4.55	207,639	146,204	167,955
VIC	HOSE	894.2	57,231.39	14.46%	64.0	7.64	3.65	298,465	217,006	441,592
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.74%	54.0	10.89	2.50	708,888	534,187	655,734
PVD	HOSE	275.3	22,708.79	8.68%	82.5	10.72	2.22	461,383	321,878	368,725
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	8.01%	32.3	6.50	1.41	1,057,427	921,215	1,473,836
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	7.98%	24.2	14.37	1.32	2,394,605	2,287,635	2,932,035
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.78	6.11%	26.2	15.91	1.59	843,319	570,355	664,556
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.13%	20.6	10.75	1.42	4,283,285	2,879,621	1,564,207
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	3.08%	41.0	22.81	2.24	229,968	210,244	388,147
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	2.71%	8.0	102.44	0.74	5,213,312	4,558,241	6,400,724
HSG	HOSE	96.3	4,237.78	2.68%	44.0	10.73	1.90	106,230	91,333	154,158
GMD	HOSE	114.4	3,890.34	2.26%	34.0	126.15	0.86	248,661	229,705	287,490
PPC	HOSE	318.2	6,490.35	2.03%	20.4	7.14	1.16	252,475	208,066	474,650
VSH	HOSE	206.2	3,217.36	1.74%	15.6	15.55	1.25	298,113	214,820	440,326
CSM	HOSE	67.3	2,812.81	1.64%	41.8	7.43	2.12	364,425	333,339	378,337
KBC	HOSE	389.8	4,365.31	1.48%	11.2	26.03	0.88	1,266,573	985,970	902,913
DRC	HOSE	83.1	4,195.23	1.33%	50.5	10.54	2.75	239,373	163,669	242,511
PVT	HOSE	255.9	3,095.91	1.18%	12.1	12.92	1.09	1,694,186	1,056,743	894,010
DIG	HOSE	143.0	2,259.33	1.01%	15.8	42.44	0.95	122,799	194,087	352,398
OGC	HOSE	300.0	3,240.00	0.91%	10.8	47.68	1.01	1,474,529	1,340,000	2,072,325
PET	HOSE	69.8	1,236.20	0.87%	17.7	7.87	0.94	1,377,760	962,586	657,038

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,043.65	5.37%	29.2	8.55	1.52	2,376,230	1,821,092	2,105,629
VIC	HOSE	894.2	57,231.39	8.00%	64.0	7.64	3.65	298,465	217,006	441,592
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.78	7.00%	26.2	15.91	1.59	843,319	570,355	664,556
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	6.50%	41.0	22.81	2.24	229,968	210,244	388,147
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	5.79%	32.3	6.50	1.41	1,057,427	921,215	1,473,836
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.26%	20.6	10.75	1.42	4,283,285	2,879,621	1,564,207
PVD	HOSE	275.3	22,708.79	3.22%	82.5	10.72	2.22	461,383	321,878	368,725
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	3.73%	8.0	102.44	0.74	5,213,312	4,558,241	6,400,724
SHB	HNX	886.1	8,595.01	2.86%	9.7	10.20	0.78	4,387,240	3,980,746	6,480,850
PPC	HOSE	318.2	6,490.35	1.58%	20.4	7.14	1.16	252,475	208,066	474,650
OGC	HOSE	300.0	3,240.00	2.33%	10.8	47.68	1.01	1,474,529	1,340,000	2,072,325
GMD	HOSE	114.4	3,890.34	1.62%	34.0	126.15	0.86	248,661	229,705	287,490
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	8.00%	90.5	202.80	4.55	207,639	146,204	167,955
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	2.83%	24.2	14.37	1.32	2,394,605	2,287,635	2,932,035
DRC	HOSE	83.1	4,195.23	1.28%	50.5	10.54	2.75	239,373	163,669	242,511
VCG	HNX	441.7	5,786.41	3.58%	13.1	12.97	1.04	1,204,683	1,403,186	1,888,160
PVT	HOSE	255.9	3,095.91	2.05%	12.1	12.92	1.09	1,694,186	1,056,743	894,010

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	57,231.39	0.00%	64.0	7.64	3.65	298,465	217,006	441,592
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	0.00%	90.5	202.80	4.55	207,639	146,204	167,955
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.00%	32.3	6.50	1.41	1,057,427	921,215	1,473,836
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	0.00%	24.2	14.37	1.32	2,394,605	2,287,635	2,932,035
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.78	0.00%	26.2	15.91	1.59	843,319	570,355	664,556
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.00%	20.6	10.75	1.42	4,283,285	2,879,621	1,564,207
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.00%	41.0	22.81	2.24	229,968	210,244	388,147
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	8.58	0.98	237,823	231,564	479,264
GAS	HOSE	1,895.0	212,240.00	0.00%	112.0	18.87	5.98	321,807	353,677	452,302

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	0.81%	90.5	202.80	4.55	207,639	146,204	167,955
VIC	HOSE	894.2	57,231.39	0.55%	64.0	7.64	3.65	298,465	217,006	441,592
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.26%	32.3	6.50	1.41	1,057,427	921,215	1,473,836
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.78	0.20%	26.2	15.91	1.59	843,319	570,355	664,556
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.14%	20.6	10.75	1.42	4,283,285	2,879,621	1,564,207
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.10%	41.0	22.81	2.24	229,968	210,244	388,147

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,990	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,351	6.9	1.4	20.8%	15.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,700	22.0	0.7	2.9%	1.8%
Sản xuất giấy	773	7.9	0.7	10.6%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,066	20.1	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,629	4.1	0.7	18.3%	3.8%
Khai khoáng	11,972	52.2	5.0	2.0%	1.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,348	17.0	1.4	11.8%	8.4%
Xây dựng	28,460	- 40.0	1.1	-4.1%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,042	7.0	1.1	17.2%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	762	3.9	0.9	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,704	9.7	0.9	7.7%	3.8%
Thiết bị điện	1,708	- 18.2	0.8	-0.3%	-1.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,041	6.2	1.3	21.2%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,186	- 2.6	0.8	2.3%	0.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,071	13.9	1.3	14.2%	10.8%
Dịch vụ vận tải	5,628	8.3	1.4	18.2%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,440	10.4	1.4	13.7%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	199	9.4	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.4	0.9	10.7%	4.8%
Chất thải & Môi trường	146	2.2	0.7	34.2%	17.2%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,713	9.7	1.2	13.0%	7.5%
Lốp xe	7,239	8.8	2.4	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,779	6.9	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	375	13.9	2.3	18.9%	11.7%
Đồ uống & giải khát	264	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,798	9.7	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	196,710	22.5	4.6	21.5%	16.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	52	41.4	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,101	8.1	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	147	8.2	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,086	8.5	1.5	17.9%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,780	8.7	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	702	- 8.4	1.1	-0.1%	4.2%

30 June 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	852	15.3	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	136	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	169	8.0	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,219	11.9	3.1	25.4%	16.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	373	48.9	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	735	13.1	1.1	12.8%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,142	8.6	1.3	14.4%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,027	8.2	0.9	12.3%	8.1%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	195	8.5	3.7	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,648	35.4	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí	2,146	27.0	1.4	15.3%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,233	10.9	2.2	16.7%	14.8%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	532	21.1	0.7	3.1%	1.2%
Internet	289	61.0	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,398	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	422	15.1	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	265	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,084	14.1	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,729	-	5.5	-6.5%	3.1%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	218,476	18.3	5.9	33.0%	22.1%
Nước	1,154	6.3	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,208	5.4	0.8	14.8%	4.9%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,587	12.5	0.7	5.8%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,864	8.1	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	28,103	22.8	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,240	47.7	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	25,059	13.6	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	246,984	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	130,720	11.1	2.3	27.3%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	7	12.4	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,595	9.8	1.9	20.5%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.